

## **CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG**

### **NĂM HỌC 2024 - 2025**

#### **A. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG CỦA NHÀ TRƯỜNG**

Trường mầm non số 2 Na Sang được thành lập theo Quyết định số: Căn cứ vào quyết định số 2854/QĐ – UBND ngày 31/12/2014 của UBND huyện Mường Chà quyết định về việc thành lập trường mầm non số 1 Na Sang và trường mầm non số 2 Na Sang. Trường thuộc xã biên giới, khó khăn của huyện Mường Chà.

Nhà trường có hệ thống cơ sở vật chất khang trang sạch đẹp, lớp học kiên cố đảm bảo diện tích với 14 phòng học kiên cố; 02 phòng học tạm. Trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi được đảm bảo phong phú phục vụ cho việc học tập của các cháu tại trường.

Nhà trường nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Mường Chà, chính quyền địa phương tạo điều kiện để trường hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Phối kết hợp chặt chẽ với các ban ngành đoàn thể trên địa bàn, đặc biệt là sự quan tâm đồng thuận từ phía cha mẹ học sinh, Ban đại diện phụ huynh học sinh.

Trường có đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhiệt tình, yêu ngành, yêu nghề, mến trẻ và có tinh thần trách nhiệm hoàn thành tốt nhiệm vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

- Tổng số CBGV: 31 đ/c trong đó: CBQL: 03 đ/c; GV: 24 đ/c; NV: 04 đ/c; Nữ 30 đ/c; Dân tộc 19 đ/c. Đảng viên 27;

- Trình độ chuyên môn: ĐH: 22 đ/c; CĐ: 6 đ/c; TC: 01. CĐT: 02

Năm học 2024 - 2025 nhà trường có tổng số lớp 15 nhóm, lớp với 275 học sinh .

- Số trẻ huy động 275. Tổng số huy động địa bàn phụ trách đạt 83,6%

+ Trẻ từ 03 - 36 tháng đạt 60,9%; MG 3-5 tuổi huy động đạt 100%; MG 5 tuổi huy động đạt 100%;

Bé khỏe - bé ngoan toàn diện: đạt 85,3%; Bé sạch đạt 98%; Bé ngoan đạt 100%; 98% số trẻ đạt các mục tiêu giáo dục đề ra theo từng độ tuổi. Giáo viên dạy giỏi cấp huyện 10, giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh 03. Nhà trường được Chủ tịch UBND huyện tặng danh hiệu tập thể lao động tiên tiến và được của UBND huyện tặng Giấy khen;

Trẻ đến trường ngoan ngoãn, lễ phép, mạnh dạn trong giao tiếp, tích cực tham gia vào các hoạt động, trẻ có nề nếp tốt trong việc thực hiện các hoạt động như học tập, vui chơi, vệ sinh, lao động tự phục vụ.

Tầm nhìn sứ mệnh nhằm giúp trẻ phát triển một cách hài hòa và toàn diện về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ,

tình cảm - kỹ năng xã hội và thẩm mỹ.

Hướng trẻ đến một nền giáo dục toàn diện, giúp trẻ rèn luyện phẩm chất, năng lực cần thiết để tự nhận thức, chủ động thích nghi và thành công trong bối cảnh thế giới luôn biến động và xu hướng toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ. Giá trị cốt lõi - Đề cao 5 giá trị cốt lõi trí tuệ, chủ động, tự tin, sáng tạo, tự trọng; đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đạt chuẩn, có nhu cầu thực hiện phát triển chương trình giáo dục nhà trường; các yếu tố về dân cư, giao thông, đối tác phù hợp, thuận lợi cho phát triển sự nghiệp giáo dục của Nhà trường.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đã được quan tâm đầu tư đáp ứng công tác Giáo dục của nhà trường.

Bên cạnh những thuận lợi trên trường còn có những khó khăn như khuôn viên một số điểm lớp còn chật hẹp ảnh hưởng đến các hoạt động giáo dục của nhà trường. Phòng học, phòng chức năng chưa đáp ứng với các tiêu chí chuẩn.

Nhà trường có nhiều điểm bản cách xa khu trung tâm, nằm rải rác trên địa bàn xã với nhiều dân tộc khác nhau.

Trước yêu cầu thực tiễn về việc nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục của nhà trường đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ năm học với tầm nhìn sứ mạng nhằm xây dựng môi trường giáo dục **“An toàn - Lành mạnh - Thân thiện – Tích cực”**;

Tiếp tục thực hiện các Chuyên đề, Chương trình để đổi mới, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục bảo đảm an toàn tuyệt đối cho trẻ em, tạo niềm tin cho trẻ khi đến trường, lớp;

Thực hiện Chủ đề năm học **“Xây dựng trường mầm non hạnh phúc, lấy trẻ em làm trung tâm”** gắn kết với việc nâng cao chất lượng thực hiện Chuyên đề **“Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021 - 2025”**.

## **B. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG**

### **I. Mục tiêu**

Giúp trẻ em phát triển hài hòa về các mặt thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào lớp 1; hình thành và phát triển ở trẻ em những chức năng tâm sinh lí, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, đặt nền tảng cho việc học ở các cấp học tiếp theo và cho việc học tập suốt đời.

### **Quan điểm xây dựng chương trình**

Chương trình có tính chất mở, thể hiện mục tiêu giáo dục mầm non, phù hợp với đặc điểm của trường, lớp, đối tượng trẻ và hướng tới sự phát triển toàn diện và tạo cơ hội cho trẻ phát triển. Chương trình thể hiện quan điểm giáo dục toàn diện,

tích hợp, lấy trẻ làm trung tâm với phương châm giáo dục “Chơi mà học, học bằng chơi”. Giáo viên lựa chọn mục tiêu, nội dung phù hợp với trẻ, điều kiện của lớp...

## **II. Yêu cầu về nội dung, phương pháp giáo dục, phương tiện hỗ trợ và đánh giá sự phát triển của trẻ**

### **1. Yêu cầu về nội dung giáo dục MN**

- Đảm bảo tính khoa học, tính vừa sức và nguyên tắc đồng tâm phát triển từ dễ đến khó; đảm bảo tính liên thông giữa các độ tuổi, giữa nhà trẻ, mẫu giáo và cấp tiểu học; thống nhất giữa nội dung giáo dục với cuộc sống hiện thực, gắn với cuộc sống và kinh nghiệm của trẻ; chuẩn bị cho trẻ từng bước hòa nhập cuộc sống.

- Phù hợp với sự phát triển tâm sinh lí của trẻ em, hài hòa giữa nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; giúp trẻ em phát triển cơ thể cân đối, khỏe mạnh, nhanh nhẹn; tăng cường tổ chức các hoạt động phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội, kỹ năng sống phù hợp với lứa tuổi; giúp trẻ hiểu biết thông qua trải nghiệm, biết kính trọng, yêu mến, lễ phép với mọi người xung quanh, có tính tự lập, tự tin, mạnh dạn và hồn nhiên, yêu thích cái đẹp; ham hiểu biết, thích đi học.

- Lồng ghép các nội dung giáo dục, đảm bảo phù hợp trong các hoạt động hằng ngày và phù hợp trong các chủ đề: “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; giáo dục Giới, bình đẳng giới; một số kỹ năng phòng, tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu cho trẻ, bảo vệ môi trường, kêu cứu thoát hiểm khi gặp hỏa hoạn, tránh xa người lạ, biết nói lời cảm ơn khi được người khác giúp đỡ...”

### **2. Yêu cầu về phương pháp giáo dục MN**

- Đối với giáo dục nhà trẻ, phương pháp giáo dục phải chú trọng giao tiếp thường xuyên, thể hiện sự yêu thương và tạo sự gắn bó của người lớn với trẻ; chú ý đặc điểm cá nhân trẻ để lựa chọn phương pháp giáo dục phù hợp, tạo cho trẻ có cảm giác an toàn về thể chất và tinh thần; tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ được tích cực hoạt động giao lưu cảm xúc, hoạt động với đồ vật và vui chơi, kích thích sự phát triển các giác quan và các chức năng tâm, sinh lí; tạo môi trường giáo dục gần gũi với khung cảnh gia đình, giúp trẻ thích nghi với nhà trẻ.

- Đối với mẫu giáo, phương pháp giáo dục phải tạo điều kiện cho trẻ được trải nghiệm, tìm tòi, khám phá môi trường xung quanh dưới nhiều hình thức đa dạng, đáp ứng nhu cầu, hứng thú của trẻ theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”. Chú trọng đổi mới tổ chức môi trường giáo dục nhằm kích thích và tạo cơ hội cho trẻ tích cực khám phá, trải nghiệm và sáng tạo ở các khu vực hoạt động một cách vui vẻ. Sử dụng hiệu quả bộ công cụ ELM thông qua các hoạt động ở trường mầm non. Kết hợp hài hòa giữa giáo dục trẻ trong nhóm bạn với giáo dục cá nhân, chú ý đặc điểm riêng của từng độ tuổi để

có phương pháp giáo dục phù hợp. Tổ chức hợp lí các hình thức hoạt động cá nhân, theo nhóm nhỏ và cả lớp, phù hợp với độ tuổi của nhóm/lớp, với khả năng của từng trẻ, với nhu cầu và hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.

### **3. Yêu cầu về đánh giá sự phát triển của trẻ**

- Đánh giá sự phát triển của trẻ (bao gồm đánh giá trẻ hằng ngày và đánh giá trẻ theo giai đoạn) nhằm theo dõi sự phát triển của trẻ, làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch và kịp thời điều chỉnh kế hoạch giáo dục cho phù hợp với trẻ, với tình hình thực tế của nhà trường. Trong đánh giá phải có sự phối hợp nhiều phương pháp, hình thức đánh giá; coi trọng đánh giá sự tiến bộ của từng trẻ, đánh giá trẻ thường xuyên qua quan sát hoạt động hằng ngày.

## **C. CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC**

### **I. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRẺ**

Chương trình giáo dục nhà trẻ nhằm giúp trẻ từ 13 tháng đến 36 tháng tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm-xã hội và thẩm mỹ.

#### **1. Phát triển thể chất**

Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi

Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ

Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi

Có một số tố chất vận động ban đầu (nhanh nhẹn, khéo léo, thăng bằng cơ thể)

Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay

Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân

#### **2. Phát triển nhận thức**

Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh

Có sự nhạy cảm của các giác quan

Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản

Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi, quen thuộc

### **3. Phát triển ngôn ngữ**

Nghe hiểu được yêu cầu đơn giản bằng lời nói.

Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ

Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu

Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói

Hồn nhiên trong giao tiếp

### **4. Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ**

Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi

Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi

Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt

Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, xé dán, xếp hình; thích nghe đọc thơ, kể chuyện...

## **II. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẪU GIÁO**

Chương trình giáo dục nhà trẻ em từ 3 đến 6 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm- kỹ năng xã hội và thẩm mỹ, chuẩn bị cho trẻ vào học ở tiểu học

### **1. Phát triển thể chất**

Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi

Có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ

Thực hiện được vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế

Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian

Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay

Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe

Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân

## **2. Phát triển nhận thức**

Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh

Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định

Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau

Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu

Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán

## **3. Phát triển ngôn ngữ**

Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày

Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...)

Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hằng ngày

Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện

Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi

Có một số kĩ năng ban đầu về việc đọc và viết

## **4. Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội**

Có ý thức về bản thân

Có khả năng nhận biết và thể hiện cảm xúc với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh

Có một số phẩm chất cá nhân: Mạnh dạn, tự tin, tự lực

Có một số kĩ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ

Thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp, cộng đồng gần gũi

## **5. Phát triển thẩm mỹ**

Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật

Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình

Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp

### **C. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN**

#### **Phân phối thời gian**

Chương trình thiết kế 35 tuần, mỗi tuần làm việc 5 ngày áp dụng cho các nhóm lớp. Kế hoạch chăm sóc, giáo dục hằng ngày thực hiện theo chế độ sinh hoạt hằng ngày cho từng độ tuổi phù hợp với sự phát triển của trẻ.

Thời gian nghỉ lễ hè, lễ, tết nghỉ học kỳ theo quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo

#### **Chế độ sinh hoạt**

Chế độ sinh hoạt là sự phân bổ thời gian và các hoạt động trong ngày một cách hợp lý ở các nhóm lớp nhằm đáp ứng nhu cầu về tâm sinh lý của trẻ, qua đó giúp trẻ hình thành những nề nếp, thói quen tốt và thích nghi với cuộc sống ở nhà trẻ.

#### **Độ tuổi 19 – 24 tháng**

STT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục
<b><i>1. Lĩnh vực phát triển thể chất:</i></b>		
Trẻ 18 tháng tuổi : Cân nặng : Bé trai: 7,7 - 12,0 kg, Bé gái: 7,0 - 11,5 kg Chiều cao: Bé trai: 71,1 - 80,5cm, Bé gái: 68,9 - 79,2 cm Trẻ 24 tháng tuổi : Cân nặng : Bé trai: 9,75 - 15,4 kg, Bé gái 9,00 -14,9 kg Chiều cao: Bé trai: 81,3 - 94,0 cm, Bé gái: 80,0- 92,6 cm		
<b><i>* Phát triển vận động</i></b>		
<b><i>* Trẻ thực hiện được động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp</i></b>		
1	Trẻ bắt trước được một số động tác theo cô: Giơ cao tay, đưa về phía trước, sang ngang.	- Hô hấp: Tập hít thở. - Tay: Giơ cao, đưa phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau. - Lưng, bụng, lườn: cúi về phía trước, nghiêng người sang hai bên. - Chân: dang sang hai bên, ngồi xuống, đứng lên.

<b>* Trẻ thực hiện được các vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu</b>		
2	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi đi theo đường thẳng (Ở trên sàn) hoặc cầm đồ vật nhỏ trên hai tay và đi hết đoạn đường 1,8-2 m.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập đi, chạy:</li> <li>+ Đi theo hướng thẳng.</li> <li>+ Đi trong đường hẹp.</li> <li>+ Đi bước qua vật cản.</li> <li>- Đi theo hiệu lệnh</li> <li>- Đi có mang vật trên tay</li> <li>- Tập bước lên, xuống bậc thang</li> </ul>
3	Trẻ biết thực hiện phối hợp vận động tay – mắt: Biết lăn bắt bóng với cô.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập tung, ném:</li> <li>+ Ngồi lăn bóng.</li> <li>+ Lăn – bắt bóng cùng cô</li> </ul>
4	Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò, trườn, chui qua vòng, qua vật cản.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập bò, trườn:</li> <li>+ Bò tới đích.</li> <li>+ Trườn tới đích</li> <li>+ Bò chui dưới dây</li> <li>+ Bò chui qua gậy kê cao.</li> <li>+ Trườn qua vật cản</li> <li>+ Bò chui qua cổng</li> </ul>
5	Trẻ thể hiện được sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném bóng, đá bóng: Ném bóng bằng một tay lên phía trước được khoảng 1,2 m; Đá bóng lăn xa lên trước tối thiểu 1,5m.	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tung bóng qua dây</li> <li>+ Ném bóng bằng 1 tay về phía trước</li> <li>+ Ném bóng vào rổ</li> <li>+ Đá bóng lăn xa lên trước</li> </ul>



<b>* Trẻ thực hiện được vận động cử động của bàn tay, ngón tay.</b>		
6	Trẻ nhặt được các vật nhỏ bằng 2 ngón tay.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhặt cơm rơi vãi, Co, duỗi ngón tay, đan ngón tay.</li> <li>- Cầm, bóp, gõ, đóng đồ vật, Đóng mở nắp có ren</li> <li>- Cầm, bóp, gõ, đóng đồ vật.</li> </ul>
7	Trẻ tháo lắp, lồng được 3-4 hộp tròn, xếp chồng được 2 – 3 khối trụ.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vạch các nét nguệch ngoạc bằng ngón tay.</li> <li>- Vẽ các nét nguệch ngoạc bằng ngón tay</li> <li>- Tháo, lắp lồng hộp vuông, tròn, Xếp chồng 2-3 khối trụ.</li> <li>- Xếp chồng 4-5 khối.</li> </ul>
<b>* Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe</b>		
<b>* Trẻ có một số nền nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt.</b>		
8	Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm nát, có thể ăn được các loại thức ăn khác nhau.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ làm quen với chế độ cơm nát và các loại thức ăn khác nhau.</li> <li>- Thích nghi với chế độ ăn cơm nát, ăn thức ăn chín, uống chín.</li> </ul>
9	Trẻ ngủ một giấc vào buổi trưa. Trẻ biết “Gọi” người lớn khi có nhu cầu đi vệ sinh.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ làm quen chế độ ngủ 1 giấc.</li> <li>- Trẻ tập một số thói quen vệ sinh tốt:</li> <li>+ Rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh.</li> <li>+ “Gọi ” cô khi bị ướt, bị bẩn.</li> </ul>
<b>* Trẻ biết thực hiện một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe</b>		
10	Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (Ngồi vào bàn ăn, cầm thìa xúc ăn, cầm cốc uống nước).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ tập tự xúc ăn bằng thìa, uống nước bằng cốc.</li> <li>- Tập ngồi vào bàn ăn.</li> <li>- Tập thể hiện khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.</li> <li>- Trẻ tập ra ngoài bô khi có nhu cầu vệ sinh.</li> <li>- Trẻ làm quen với rửa tay, lau mặt.</li> </ul>

<b>* Trẻ nhận biết được và tránh một số nguy cơ không an toàn</b>		
11	Trẻ biết tránh vật dụng, nơi nguy hiểm (Phích nước nóng, bàn là, bếp đang đun...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần (phích nước nóng, bàn là, bếp đang đun..)
12	Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm (sờ vào ổ điện, leo trèo lên bàn, ghế...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh (sờ vào ổ điện, leo trèo lên bàn, ghế..)
<b>2. Lĩnh vực phát triển nhận thức</b>		
<b>* Trẻ biết phối hợp các giác quan: Thị giác, thính giác, xúc giác, khứu giác, vị giác để khám phá thế giới xung quanh.</b>		
13	Trẻ biết sờ nắn, nhìn, nghe... để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm đồ chơi vừa mới cất giấu; Nghe âm thanh và tìm nơi phát ra âm thanh</li> <li>- Sờ nắn, lắc, gõ đồ chơi và nghe âm thanh.</li> <li>- Nghe âm thanh và tìm nơi phát ra âm thanh.</li> <li>- Nếm vị của một số quả thức ăn</li> <li>- Tìm đồ chơi vừa mới cất giấu.</li> <li>- Ngửi mùi của một số hoa quả quen thuộc gần gũi</li> <li>- Quan sát các hiện tượng thiên nhiên, các đồ vật, con vật, cây, hoa quả...</li> </ul>
<b>* Trẻ biết thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi bằng cử chỉ, lời nói</b>		
14	Trẻ biết bắt chước những hành động đơn giản của những người thân.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham gia các trò chơi “Bế em”, “Gọi điện thoại”, “xây nhà”, “bác sỹ”, “Chơi nấu ăn”, “Bán hàng”, “Bác tài xế”...</li> <li>- Hình ảnh của bản thân trong gương.</li> </ul>

15	Trẻ biết chỉ hoặc nói được tên của mình, những người gần gũi khi được hỏi.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên của bản thân.</li> <li>- Tên của một số người thân gần gũi trong gia đình, nhóm lớp.</li> <li>- Tên một số bộ phận của cơ thể: mắt mũi, miệng, tai, tay, chân.</li> </ul>
16	Trẻ biết chỉ vào hoặc nói được tên một vài bộ phận cơ thể của người khi được hỏi.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đồ chơi, đồ dùng của bản thân</li> <li>- Tên, đặc điểm nổi bật của đồ dùng, đồ chơi, quen thuộc.</li> <li>- Tên của phương tiện giao thông gần gũi.</li> <li>- Tên và một vài đặc điểm nổi bật của con vật, hoa quả quen thuộc.</li> </ul>
17	Trẻ biết chỉ/ lấy/ nói được tên đồ dùng, đồ chơi, hoa quả, con vật quen thuộc theo yêu cầu của người lớn.	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Màu đỏ, xanh</li> <li>+ Kích thước to- nhỏ</li> </ul>
18	Trẻ biết chỉ hoặc lấy được đồ chơi có màu đỏ hoặc xanh theo yêu cầu hoặc gợi ý của người lớn.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện theo yêu cầu của cô hoặc người lớn.</li> </ul>

### ***3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ***

#### ***\* Nghe hiểu lời nói***

19	Trẻ nghe các giọng nói khác nhau, thực hiện được các yêu cầu đơn giản: Đi đến đây; đi rửa tay...	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nghe các bài hát, bài thơ, đồng dao, ca dao, truyện kể đơn giản theo tranh.</li> <li>- Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc.</li> </ul>
20	Trẻ hiểu, dừng hành động khi được nhắc nhở	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu được từ “không”: dừng hành động khi nghe “Không được lấy!”, “Không được sờ”,...</li> </ul>

21	Trẻ trả lời được câu hỏi đơn giản: “Ai đây ?”; “Con gì đây ?”; “Cái gì đây ?”...	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả lời các câu hỏi: “Ở đâu?”, “Con gì?”; “thế nào”, “Cái gì?”; “Làm gì?”</li> <li>- Đặt các câu hỏi: Làm gì? Con gì đây? Cái gì đây? Ở đâu? Thế nào?</li> <li>- Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau.</li> </ul>
<b>* Nghe nhắc lại các âm, các tiếng và các câu</b>		
22	Trẻ nhắc lại được từ ngữ và câu ngắn: con vịt, vịt bơi, bé đi chơi...	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát âm các âm khác nhau</li> <li>- Gọi tên các đồ vật, con vật, hành động gần gũi</li> <li>- Trả lời và đặt câu hỏi: ”Con gì?”, ”Cái gì?”...</li> <li>- Mở sách, xem tranh và chỉ vào các nhân vật, sự vật trong tranh và nhắc lại theo yêu cầu của cô.</li> </ul>
23	Trẻ đọc được tiếp tiếng cuối của câu thơ khi nghe các bài thơ quen thuộc.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc theo, đọc tiếp cùng cô tiếng cuối của câu thơ.</li> <li>- Đọc tiếp tiếng cuối của câu thơ</li> </ul>
<b>* Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp:</b>		
24	Trẻ nói được câu đơn 2-3 tiếng: con đi chơi; bóng đá; mẹ đi làm...	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mở sách, xem tranh và chỉ vào các nhân vật, sự vật trong tranh và nói</li> </ul>
25	Trẻ biết chủ động nói nhu cầu, mong muốn của bản thân (cháu uống nước, cháu muốn...).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thể hiện nhu cầu mong muốn của mình bằng 1 từ, câu đơn giản</li> </ul>
<b>4. Lĩnh vực phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ</b>		
<b>* Trẻ biểu lộ sự nhận thức về bản thân</b>		
26	Trẻ nhận ra bản thân trong gương, trong ảnh (chỉ vào hình ảnh của mình trong gương khi được hỏi).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết tên gọi, hình ảnh của bản thân.</li> <li>- Chỉ vào hình ảnh của trẻ trong gương và hỏi trẻ: Ai đây?</li> </ul>

<b>* Trẻ nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con người và sự vật gần gũi.</b>		
27	Trẻ biểu lộ sự thích giao tiếp bằng cử chỉ, lời nói với những người gần gũi.	- Giao tiếp với cô và bạn với người thân.
28	Trẻ cảm nhận và biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi của mình với người xung quanh.	- Biểu lộ cảm xúc khác nhau với những người xung quanh.
29	Trẻ thích chơi với đồ chơi, có đồ chơi yêu thích và quan sát một số con vật.	- Quan tâm đến đồ chơi, các vật nuôi
<b>* Thực hiện hành vi xã hội đơn giản.</b>		
30	Trẻ biết chào tạm biệt khi được nhắc nhở.	- Tập thực hiện một số hành vi giao tiếp như: chào, tạm biệt, cảm ơn. Nói từ “ạ”, “dạ”.
31	Trẻ bắt trước được một vài hành vi xã hội (bế búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại ...).	- Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi: Bế búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại, lái ô tô...
32	Trẻ biết làm theo một số yêu cầu đơn giản của người lớn.	-Thực hiện một số hành vi giao tiếp, như: chào, tạm biệt, cảm ơn. Nói từ “ạ”, “dạ”.
<b>* Trẻ biết thể hiện cảm xúc qua hát, vận động theo nhạc/tô màu, vẽ nặn, xếp hình, xem tranh.</b>		
33	Thích nghe hát và vận động theo nhạc ( dậm chân, lắc lư, vỗ tay,...).	- Nghe hát, nghe nhạc, nghe âm thanh các nhạc cụ. - Hát theo và tập vận động đơn giản theo nhạc: Giậm chân, lắc lư, vỗ tay..
34	Trẻ thích vẽ, xem tranh.	- Tập cầm bút vẽ. - Xem tranh.

## ĐỘ TUỔI 24 - 36 THÁNG TUỔI

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục
TT	Mục tiêu	
<b>1. Lĩnh vực phát triển thể chất</b>		
<p>Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.</p> <p style="padding-left: 40px;">+ Trẻ trai: Cân nặng: 11,3 - 18,3kg. Chiều cao: 88,7 - 103,5cm.</p> <p style="padding-left: 40px;">+ Trẻ gái: Cân nặng: 10,8 - 18,1kg . Chiều cao: 87 - 102,7 cm</p>		
<b>a. Phát triển vận động</b>		
1	<p>Thực hiện động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.</p> <p>Trẻ thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: Hít thở, tay, lưng/ bụng và chân</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hô hấp:</li> <li>+ Hít vào thật sâu, thở ra từ từ</li> <li>- Cơ tay và bả vai:</li> <li>+ 2 tay giơ lên cao, hạ xuống</li> <li>+ 2 tay đưa sang ngang, hạ xuống</li> <li>+ 2 tay đưa ra phía trước, đưa về phía sau</li> <li>+ 1 tay đưa về phía trước, 1 tay đưa về phía sau</li> <li>+ Đưa 2 tay ra sau kết hợp lắc tay.</li> <li>- Lưng, bụng, lườn:</li> <li>+ Nghiêng người sang 2 bên phải, trái.</li> <li>+ Quay người sang 2 bên phải, trái.</li> </ul>

		<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Ngửa người ra phía sau</li> <li>+ Cúi người xuống, đứng thẳng người lên.</li> <li>- Chân:</li> <li>+ Đứng nhún chân</li> <li>+ Ngồi xuống, đứng lên</li> <li>+ Bật tại chỗ</li> <li>+ Co duỗi từng chân</li> </ul>
2	Trẻ có khả năng giữ được thăng bằng trong vận động đi/ chạy thay đổi, tốc độ nhanh - chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bề vật trên tay	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đi theo hiệu lệnh</li> <li>- Đi trong đường hẹp.</li> <li>- Đi có mang vật trên tay.</li> <li>- Đi bước vào các ô</li> <li>- Chạy đổi hướng</li> <li>- Đứng co 1 chân</li> <li>- Đi bước qua vật kê cao</li> <li>- Chạy theo hướng thẳng</li> <li>- Đi theo đường ngoằn ngoèo</li> <li>- Đi bước vào các ô: kẻ 5-6 ô hình chữ nhật</li> <li>- Bước qua vật cản</li> <li>- Bước lên xuống bậc cao 15cm (5- 7 bậc)</li> <li>- Đi kết hợp với chạy</li> </ul>
3	Trẻ thực hiện được phối hợp vận tay - mắt, tung -	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tung bóng cùng cô.</li> </ul>

	bắt bóng với cô khoảng cách 1m, ném vào đích xa 1 - 1,2m	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bắt bóng cùng cô</li> <li>- Tung bóng qua dây</li> <li>- Tung bóng bằng 2 tay</li> <li>- Ném bóng về phía trước.</li> <li>- Ném bóng vào đích (xa 1m – 1,2m)</li> <li>- Ném bóng trúng đích (70 – 100cm)</li> </ul>
4	Trẻ biết thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng, ném xa lên phía trước bằng 1 tay ( tối thiểu 1,5m)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ném bóng về phía trước bằng 1 tay ( tối thiểu 1,5m)</li> <li>- Ném xa bằng 1 tay</li> <li>- Đá bóng về phía trước</li> </ul>
5	Trẻ biết phối hợp tay, chân cơ thể trong khi bò để giữ được vật trên lưng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đi theo hiệu lệnh, đi trong đường hẹp</li> <li>- Bước lên xuống bậc có vịn</li> <li>- Bò trong đường hẹp mang vật trên lưng</li> <li>- Bò thẳng hướng theo đường hẹp</li> <li>- Bò - trườn qua vật cản</li> <li>- Bò - trườn chui qua cổng</li> <li>- Trườn chui qua cổng</li> </ul>
6	Trẻ thể hiện được sức mạnh của cơ bắp trong vận động bật qua vạch kẻ, bật tại chỗ.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bật tại chỗ.</li> <li>- Bật qua vạch kẻ.</li> <li>- Bật về phía trước</li> <li>- Bật qua các vòng</li> <li>- Bật xa bằng hai chân</li> </ul>



7	Trẻ có khả năng vận động cổ tay, bàn tay, ngón thực hiện múa khéo	- Xòe nắm bàn tay, co - duỗi các ngón tay trong các VĐ múa
		- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót , nhào, khuấy, đảo, vò xé.
		- Các động tác khâu, xỏ, luồn dây, mở cúc, xếp chồng và sử dụng đồ dùng, đồ chơi
		- Tập khâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây
		- Tập cầm bút, tô, vẽ
		- Lật mở trang sách
8	Trẻ phối hợp được cử động bàn tay ngón tay và phối hợp tay - mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn; vẽ tổ chim, khâu vòng tay, chuỗi đeo cổ	- Đóng cọc bàn gỗ
		- Tập khâu, luồn dây, cài, cởi cúc...
		- Rót, nhào nặn...
		- Tập cầm bút tô, vẽ
		- Chắp ghép hình
		Tên và một số đặc điểm nổi bật của đồ dùng quen thuộc: Quần, áo, mũ dép( sự khác biệt giữa trang phục, giày dép của trẻ nam và trẻ nữ), bát, cốc, thìa, đồ chơi ở lớp....
<b>b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe</b>		
9		- Tập luyện nền nếp thói quen tốt trong ăn uống; Ăn chín, uống sôi; ăn không rơi vãi, ăn hết suất, tập tự xúc ăn....
10	Trẻ ngủ 1 giấc buổi trưa	- Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa
11	Biết đi vệ sinh đúng nơi qui định	- Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định, nhận biết được nhà vệ sinh dành cho bạn nam và nhà vệ sinh dành cho bạn nữ. - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu vệ sinh

12	Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh.....)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luyện tập một số thói quen tốt trong sinh hoạt: Rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh, đeo khẩu trang khi có dịch bệnh, lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; bỏ rác đúng nơi quy định.</li> <li>- Tập 1 số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt</li> </ul>
13	Trẻ biết chấp nhận: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tự phục vụ: mặc quần áo giữ ấm cho cơ thể, xúc cơm, uống nước; đội mũ khi ra nắng, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bỏng ướt; mặc quần áo, chuẩn bị chỗ ngủ</li> </ul>
14	Trẻ nhận biết và tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào gần hoặc đến gần: (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, bể cá, cơm canh và thức ăn nóng...)</li> </ul>
15	Trẻ biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn, khi được nhắc nhở	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết một số hành động gây nguy hiểm và phòng tránh: (Không leo trèo lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn, chạy nhảy...) khi được nhắc nhở</li> </ul>

## 2. Lĩnh vực phát triển nhận thức

### a. Luyện tập và phối hợp các giác quan

16	Trẻ sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sờ nắn, nhìn, ngửi... đồ vật, quả, hoa để nhận biết đặc điểm nổi bật</li> </ul>
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sờ nắn, nắn, nhìn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng, mềm, trơn, nhẵn hay xù xì: Trò chơi đổ bé</li> </ul>
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của con vật quen thuộc</li> </ul>
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu: Đồ chơi gì biến mất, Con gì biến mất...</li> </ul>

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêm vị của một số thức ăn, quả (phát hiện chua, mặn, ngọt), 1 số món ăn bé thích</li> </ul>
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết nước sạch, nước bẩn</li> </ul>
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết trang phục mùa hè, các mùa trong năm, đặc điểm rõ nét về khí hậu từng mùa và cách phòng tránh.</li> </ul>
<b>b. Nhận biết</b>		
17	Trẻ chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng đồ chơi quen thuộc.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chơi bắt chước công việc của người lớn với các đồ vật quen thuộc (đồ dùng gia đình, dụng cụ làm việc...). Tập sử dụng một số đồ dùng theo công dụng của nó (bát, thìa, cốc, khăn...) Chuẩn bị mâm cơm, nấu cho em bé ăn</li> <li>- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc của bản thân và nhóm/lớp: Đồ dùng yêu thích của bé</li> </ul>
18	Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân</li> <li>- Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình:</li> <li>+ Nhận biết tên mẹ và công việc của mẹ, tình cảm của mẹ với bé</li> <li>+ Bé với những người thân trong gia đình</li> <li>+ Tên, công việc của cô giáo, tên và 1 số công việc của các cô bác trong trường, tên các bạn cùng nhóm/ lớp: Bé cùng các bạn, đồ bé biết bé là trai hay là gái, chỉ đúng tên</li> </ul>

19	Trẻ nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Gọi tên chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, miệng, mũi, tai, tay, chân</li> <li>- Nhận biết được sự khác biệt giữa trẻ nam và trẻ nữ: tóc dài- tóc ngắn, dép – dép có nơ, trắng- đen...</li> </ul>
20	Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên và một số đặc điểm nổi bật của đồ vật, hoa,quả, con vật .....quen thuộc: Các con vật thân yêu của bé, trò chơi cái gì biến mất, con gì biến mất</li> <li>- Tên và một số đặc điểm nổi bật của hoa, quả, rau gần gũi: Con gì? Kêu như thế nào?</li> <li>Tên và một số đặc điểm nổi bật của đồ dùng quen thuộc:Quần,áo,mũ dép( sự khác biệt giữa trang phục, giày dép của trẻ nam và trẻ nữ),bát, cốc, thìa, đồ chơi ở lớp....</li> <li>- Nhận biết về ngày tết trung thu, ngày hội 20/11, ngày xuân- tết nguyên đán,bánh chưng, bánh dày...</li> <li>- Nhận biết con gà trống, gà mái</li> <li>- Trò chuyện về chú bộ đội</li> <li>- Một số loại cây, loại rau, hoa, quả...</li> </ul>
21	Trẻ gọi tên và một vài đặc điểm nổi bật của một số PTGT gần gũi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của một số phương tiện giao thông gần gũi (xe máy, xe đạp, ô tô, máy bay,thuyền bè...) Trò chơi bắt chước</li> </ul>

22	Trẻ chỉ, nói tên, lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ / xanh / vàng theo yêu cầu, vị trí không gian so với bản thân trẻ, số lượng một - nhiều	- Màu xanh, đỏ, vàng: Đồ chơi yêu thích của bé
		- Số lượng một - nhiều
		- Vị trí trong không gian (trên, dưới, trước, sau) so với bản thân trẻ: Cất đồ chơi đúng chỗ
23	Trẻ chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/ nhỏ, hình tròn hình vuông theo yêu cầu	- Kích thước to - nhỏ - Nhận biết hình tròn, hình vuông: Cất đồ chơi đúng chỗ
<b>3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ</b>		
<b>a. Nghe</b>		
24	Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2 - 3 hành động.	- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói; Cất đồ chơi đúng chỗ, Làm như cô nói, Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay; Cháu để bát vào rổ rồi đi lau miệng....
25	Trả lời các câu hỏi: Ai đây?; Cái gì đây?; ...làm gì?; ....thế nào? Tại sao?; Để làm gì?	- Nghe và trả lời các câu hỏi: Cái gì?; Làm gì?; Để làm gì? Như thế nào?; Ở đâu VD: Con gà gáy thế nào?; Bé đang làm gì?...
26	Trẻ hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản, trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật	- Nghe hiểu các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn: thơ Cây bắp cải, Giờ ngủ, Em đi nhà trẻ; đồng dao Con trâu, dung dăng dung dẻ, nu na nu nống; truyện Lợn con sạch lắm rồi; quả trứng, quả thị, cây táo, Hoa mào gà...)
<b>b. Nói</b>		
27	Trẻ phát âm rõ tiếng	- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp
28	Trẻ đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo	- Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3 - 4 tiếng. - Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý của cô

29	Trẻ nói được câu đơn, câu có 5-7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc	- Sử dụng được câu đơn, câu có 5-7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc VD: Mẹ con đưa con đến lớp, bố con đi làm bằng xe máy...
30	Trẻ sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: chào hỏi, trò chuyện, bày tỏ nhu cầu, hỏi về những vấn đề trẻ quan tâm	- Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài VD: Con thích chơi đồ chơi ô tô; cô ơi con nóng
		- Chào hỏi lễ phép, thích trò chuyện cùng cô và các bạn
		- Bày tỏ nhu cầu bằng các câu hỏi hoặc trả lời: Cái gì đây?; Con gì đây?; Làm gì?; Ở đâu?; Để làm gì?; Tại sao?...
31	Trẻ nói to, đủ nghe, lễ phép	Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn VD: Con thưa cô, vâng ạ, Con xin cô, con chào mẹ.... thực hiện theo lời dạy của Bác.
<b>c. Làm quen với sách</b>		
32	32. Trẻ biết thể hiện sự thích thú với sách, tranh ảnh	- Lắng nghe khi người lớn đọc sách. - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh
<b>4. Lĩnh vực phát triển tình cảm, kĩ năng xã hội và thẩm mỹ</b>		
<b>a. Phát triển tình cảm</b>		
33	- Trẻ biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	- Biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ lời nói
		- Thực hiện yêu cầu đơn giản của cô giáo, người lớn
		- Thích giao tiếp với người xung quanh

34	- Trẻ nói được một vài thông tin về mình, (tên tuổi)	- Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài của bản thân (trò chơi Soi gương, trò chuyện với cô giáo với bạn bè)
		- Nhận biết được giới tính của bản thân và các bạn.
35	Trẻ thể hiện điều mình thích và không thích	- Nhận biết một số đồ dùng đồ chơi yêu thích của mình: (con thích chơi ô tô, con thích được mẹ cho đi siêu thị, con không thích trời mưa...)
36	Trẻ nhận biết trạng thái cảm xúc vui buồn, sợ hãi	- Xem tranh, ảnh trẻ nhận ra cảm xúc vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ của người khác
37	Trẻ biểu lộ cảm xúc vui, buồn sợ hãi qua nét mặt cử chỉ	- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận
38	- Trẻ biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/ gần gũi, bắt chước tiếng kêu, gọi	- Quan tâm đến các vật nuôi
		- Làm sách tranh về các con vật
		- Thân thiện với một số con vật quen thuộc gần gũi bắt chước tiếng kêu, tiếng gọi của con vật (vít vít vít!... cạp cạp cạp!...meo meo!...)

**b. Phát triển kỹ năng xã hội**

39	Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn, vâng ạ	- Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ”, vâng ạ
40	Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ.	Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi, bắt chước công việc của người lớn: trò chơi bé em, nghe điện thoại...
41	Trẻ chơi thân thiện cạnh bạn khác	Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn, không cào bạn
42	Trẻ thực hiện một số yêu cầu của người lớn	- Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào đúng nơi quy định

**c. Phát triển cảm xúc thẩm mỹ**

43	Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/bản nhạc quen thuộc	- Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau, nghe âm thanh của các nhạc cụ VD: Ru con, lý cây bông, lý cây xanh, hoa trong vườn, cò lá, cái cò đi đón cơn mưa, bàn tay mẹ;...
		- Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc các bài trong chương trình VD: Cô và mẹ, quả bóng...
44	Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh.	- Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, vẽ nguệch ngoạc, xé, vò giấy, xếp hình, xây hạt, luồn dây hoa, nặn... - Xem tranh ảnh, băng đĩa ca nhạc thiếu nhi, 1 số ngày lễ hội lớn trong năm



## MẪU GIÁO GHÉP 3+4+5 TUỔI

TT	Độ tuổi	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo	
			Riêng	Chung
<b>1. Giáo dục phát triển thể chất</b>				
<b>a) Phát triển vận động</b>				
1	3	- Trẻ thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hai tay đưa lên cao, ra phía trước, sang 2 bên.</li> <li>- Bắt chéo 2 tay trước ngực.</li> <li>- Bước lên phía trước, sang ngang.</li> <li>- Co duỗi chân.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>* 3,4,5T: Hô hấp: Hít vào, thở ra.</li> <li>* 3,4 T:                             <ul style="list-style-type: none"> <li>` Co và duỗi tay.</li> <li>` Cúi về phía trước.</li> <li>` Quay sang trái, sang phải</li> <li>` Nghiêng người sang trái, sang phải.</li> <li>` Ngồi xõm, đứng lên; Bật tại chỗ</li> </ul> </li> </ul>
2	4	- Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài tập thể dục theo hiệu lệnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hai tay đưa lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với nắm, mở bàn tay).</li> <li>- Vỗ 2 tay vào nhau (Phía trước, phía sau, trên đầu).</li> <li>- Ngửa người ra sau.</li> <li>- Nhún chân.</li> <li>- Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối.</li> </ul>	
3	5	- Thực hiện đúng, đủ, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc /bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đưa 2 tay đưa lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân).</li> <li>- Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao.</li> <li>- Ngửa người ra sau kết hợp tay gio lên cao, chân bước sang</li> </ul>	
4	3	<ul style="list-style-type: none"> <li>* Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:</li> <li>- Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>` Đi kiễng gót.</li> <li>` Đi trong đường hẹp.</li> </ul>	

		- Đi kiễng gót liên tục 3m.	<ul style="list-style-type: none"> <li>` Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát .</li> <li>Đi theo đường zíc zắc</li> <li>` Bước lên xuống bậc cao 30 cm.</li> </ul>	
5	4	Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động <ul style="list-style-type: none"> <li>` Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn.</li> <li>-` Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>` Đi bằng gót chân.</li> <li>` Đi trên ghế thể dục.</li> <li>` Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn.</li> <li>` Đi lùi</li> <li>` Nhảy lò cò 3 m.</li> </ul>	<p><b>* 4-5 T:</b></p> <p>Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát (CĐ 4) Đi trên ván kê dốc (CĐ 8)</p>
6	5	Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,3m) một đầu kê cao 0,3m. Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục. - Đứng một chân và giữ thăng người trong 10 giây.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khụy gối</li> <li>` Đi trên dây (Dây đặt trên sàn).</li> <li>` Đi nói bàn chân tiến, lùi.</li> <li>` Nhảy lò cò 5 m.</li> </ul>	
7	3	Kiểm soát được vận động: <ul style="list-style-type: none"> <li>` Đi/chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh.</li> <li>` Chạy liên tục trong đường đích dắc (3 - 4 điểm đích dắc) không chệch ra ngoài.</li> </ul>		<p><b>* 3,4,5 T:</b></p> <p>` Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. ( Cđ 3)</p> <p><b>* 4-5 tuổi</b></p> <p>Đi, chạy thay đổi hướng theo vật chuẩn (CĐ 5)</p>
8	4	Kiểm soát được vận động: Đi/chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4-5 vật chuẩn đặt đích dắc).		
9	5	Kiểm soát được vận động: Đi/chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3l)		

10	3	<p>* Phối hợp tay-mắt trong vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5 m).</li> <li>- Tự đập - bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18cm).</li> <li>- Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang</li> </ul>	` Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng dọc	<p><b>* 3-4-5t:</b> Ném xa bằng 2 tay. (CĐ 6) <b>* 3+4 tuổi:</b> Đập bắt bóng bằng 2 tay( CĐ9) <b>* 4-5tuổi:</b> Tung bóng lên cao và bắt bóng (CĐ 3) <b>* 4-5 tuổi:</b> Đập và bắt bóng tại chỗ (CĐ 4) Chuyển bắt bóng qua đầu ( CĐ 5) Chuyển bắt bóng qua chân (CĐ 7)</p>
			` Đập bắt bóng với cô	
			` Tung bắt bóng với cô	
			Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang	
11	4	<p>*Phối hợp tay- mắt trong vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tung bắt bóng với người đối diện (cô/bạn): bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3 m)</li> <li>- Ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m).</li> <li>- Tự đập bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp.</li> </ul>	` Tung bắt bóng với người đối diện.	
12	5	<p>* Phối hợp tay- mắt trong vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ném trúng đích đứng (xa 2 m x cao 1,5 m).</li> <li>Đi, đập và bắt được bóng nảy 4-5 lần liên tiếp.</li> </ul>	` Đi và đập bắt bóng.	
13	5	- Ném và bắt bóng bằng 2 tay từ khoảng cách xa 4m		
14	5	- Đập và bắt bóng bằng 2 tay		
15	3	<p>* Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chạy được 15 m liên tục theo hướng thẳng.</li> <li>- Ném trúng đích ngang (xa 1,5 m).</li> <li>- Bò trong đường hẹp (3 m x 0,4 m) không chệch ra ngoài.</li> </ul>	` Bò theo hướng thẳng.	<p><b>* 3+4</b> Bò chui qua cổng (CĐ 3 .) Ném xa bằng 1 tay. (CĐ1) Bật liên tục vào vòng (CĐ 2) Trườn chui qua cổng( CĐ8)</p>
			` Trườn theo hướng thẳng.	
			` Bò theo hướng díc dắc	
			` Bò chui dưới dây	
			- Bật tại chỗ.	
			- Bật tiến về phía trước.	
			Trườn về phía trước	
- Bật xa 20 - 25cm.				

16	4	<p>* Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong 10 giây.</li> <li>- Ném trúng đích ngang (xa 2 m).</li> <li>- Bò trong đường đích dắc (3 - 4 điểm đích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài.</li> </ul>	- Chạy 15m trong khoảng 10 giây	<p><b>* 3+ 4+5 Tuổi:</b> Ném trúng đích đứng bằng 1 tay ( CĐ4)</p> <p><b>* 4-5 tuổi</b> Bật liên tục về phía trước (CĐ 4) Bò giữa 2 đường kẻ ( CĐ 9)</p>
			- Chạy chậm 60-80m	
			- Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m.	
			- Bò đích dắc qua 5 điểm.	
			- Bò chui qua ống dài 1,2 x 0,6 m.	
			` Trèo lên xuống 5 gióng thang	
			- Trèo qua ghế dài 1,5 x 30 cm.	
			- Bật nhảy từ trên cao xuống 35-40 cm.	
			- Bật tách khớp chân qua 5 ô.	
			- Bật qua vật cản cao 10-15cm	
			- Bật xa 35-40 cm.	
17	5	<p>* Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chạy liên tục theo hướng thẳng 18 m trong 10 giây.</li> <li>- Ném trúng đích đứng (cao 1,5 m,xa 2m).</li> <li>- Bò vòng qua 5-6 điểm đích dắc, cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu.</li> </ul>	` Chạy 18m trong khoảng 10 giây	
			` Chạy chậm 100-120m	
			` Bò đích dắc qua 7 điểm.	
			` Bò bằng bàn tay, bàn chân 4-5m;	
			` Bò giữa 2 đường kẻ	
			` Bò giữa 2 đường kẻ rộng 40cmx4m	
			` Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m.	
			` Trèo lên xuống 7 gióng thang	
			` Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5x 30 cm	

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bật xa 40-50 cm.</li> <li>- Bật nhảy từ trên cao xuống 40- 45 cm.</li> <li>- Bật qua vật cản 15- 20 cm.</li> <li>- Bật tách khếp chân qua 7 ô.</li> </ul>	
18	3	<p>*Thực hiện được các vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xoay tròn cổ tay.</li> <li>- Gập, đan ngón tay vào nhau</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay.</li> <li>- Đan, tết.</li> </ul>	
19	4	<p>* Thực hiện được các vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cuộn - xoay tròn cổ tay.</li> <li>- Gập, mở, các ngón tay.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vè, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi....</li> <li>- Gập giấy.</li> </ul>	
20	5	<p>* Thực hiện được các vận động: Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gập, mở lần lượt từng ngón tay.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay.</li> <li>- Bẻ nắn.</li> </ul>	
21	3	<p>* Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vẽ được hình tròn theo mẫu.</li> <li>- Cắt thẳng được một đoạn 10cm.</li> <li>- Xếp chồng 8-10 khối không đồng.</li> <li>- Tự cài, cởi cúc.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xếp chồng các hình khối khác nhau.</li> <li>- Xé dán giấy.</li> <li>- Sử dụng kéo, bút.</li> <li>- Tô vẽ nguệch ngoạc.</li> <li>- Dán các hình vào đúng vị trí cho trước không bị nhỡ.</li> </ul>	
22	4	<p>* Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt trong một số hoạt động:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vẽ hình người, nhà, cây.</li> <li>- Cắt thành thạo theo đường thẳng.</li> <li>- Xây dựng lắp ráp với 10-12 khối.</li> <li>- Biết tết sợi đôi.</li> <li>- Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lắp ghép hình.</li> <li>- Cắt đường thẳng.</li> <li>- Vẽ hình.</li> </ul>	

23	5	<ul style="list-style-type: none"> <li>* Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt trong một số hoạt động:</li> <li>- Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số.</li> <li>- Cắt được theo đường viền của hình vẽ.</li> <li>- Xếp chồng 12-15 khối theo mẫu.</li> <li>- Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu.</li> <li>- Tự cài, cởi cúc.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lắp ráp.</li> <li>- Cắt đường vòng cung.</li> <li>- Đò theo nét.</li> <li>- Kéo khóa (Phéc mơ tuya), luồn</li> </ul>	
<b>b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe</b>				
24	3	- Nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...).	- Nhận biết một số thực phẩm quen thuộc.	
25	4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết một số thực phẩm cùng nhóm:</li> <li>- Thịt, cá, ...có nhiều chất đạm.</li> <li>- Rau, quả chín có nhiều vitamin.</li> </ul>	- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (Trên tháp dinh dưỡng)	
26	5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm:</li> <li>- Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá...</li> <li>- Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả...</li> </ul>	- Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.	
27	3	Biết tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau...	- Nhận biết một số món ăn quen thuộc.	
28	4	- Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...	- Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn.	
29	5		- Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.	
30	3	- Biết ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.		3+4+5 tuổi- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và

31	4	- Biết ăn để cao lớn, khoẻ mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.		đủ chất. - - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).
32	5	- Biết: ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.		
33	3	- Thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn:- Rửa tay, lau mặt, súc miệng. - Tháo tất, cởi quần, áo.... Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.	- Làm quen với cách đánh răng, lau mặt. - Tập rửa tay bằng xà phòng. - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.	3+4+5 tuổi` Đi vệ sinh đúng nơi quy định.
34	4	- Thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: - Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn. - Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	- Tập đánh răng, lau mặt. - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định.	
35	5	- Thực hiện được một số việc đơn giản: - Tự rửa - tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. - Đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong giội/ giặt nước cho - Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo	- Tập luyện kỹ năng: rửa tay bằng xà phòng. - Tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.	
36	3	- Có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: Uống nước đã đun sôi...		
37	4	- Có một số hành vi tốt trong ăn uống: - Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ. - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... ` Không uống nước lã.		3+4+5 tuổi - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe.

38	5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống.</li> <li>- Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn.</li> <li>- Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn.</li> <li>` Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.</li> <li>` Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường</li> </ul>		
39	3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở:</li> <li>- Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học.</li> <li>- Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>` Nhận biết trang phục theo thời tiết.</li> <li>` Nhận biết một số biểu hiện khi ốm.</li> </ul>	3+4+5 tuổi` Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.
40	4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở:</li> <li>- Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học.</li> <li>- Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu ...</li> </ul> <p>Đi vệ sinh đúng nơi quy</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>` Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết.</li> <li>` Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết.</li> <li>` Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản.</li> </ul>	
41	5	<p>Có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>` Vệ sinh răng miệng: Sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy.</li> <li>` Ra nắng đội mũ: Đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh.</li> <li>` Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt...</li> <li>` Che miệng khi ho,</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>` Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết</li> <li>` Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết.</li> <li>` Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh.</li> </ul>	
42	3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...) khi được nhắc nhở</li> </ul>		
43	4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...là nguy hiểm không đến gần. Biết các vật sắc nhọn không nên nghịch .</li> </ul>		3+4+5tuổi - Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.
44	5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng... là những vật dụng nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn.</li> </ul>		



45	3	- Biết tránh nơi nguy hiểm (Hồ ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi...) khi được nhắc nhở.		
46	4	- Nhận ra những nơi như: Hồ, ao, mương nước, suối, bể chứa nước...là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.		3+4+5 tuổi - Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn đến tính mạng.
47	5	- Biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm...là nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần.		
48	3	- Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... - Không tự lấy thuốc uống. - Không leo trèo bàn ghế, lan can. - Không nghịch các vật sắc nhọn. - Không theo người lạ		
49	4	* Biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... - Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không		
50	5	`* Nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh: - Biết: cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc... - Biết không tự ý uống thuốc. - Biết: ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu,		

51	4	<p>Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>` Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu.</li> <li>` Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần</li> </ul>	- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ	
52	5	<p>Trẻ nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>` Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/ người rơi xuống nước, ngã chảy máu...</li> <li>` Biết tránh một số trường hợp không an toàn.: + Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo, bả</li> </ul>		
53	5	<p>* Thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi.</li> <li>- Đi bộ trên hè: đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy.</li> <li>- Không leo trèo cây, ban công, tường rào...</li> </ul>	- Một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn	
<b>2. Giáo dục phát triển nhận thức</b>				
<b>a) Khám phá khoa học</b>				
54	3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi</li> <li>Biết tên và dấu hiệu rõ nét của một vài đối tượng.</li> <li>- Biết tác hại của thời tiết, số hiện tượng tượng thời tiết,</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>` Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể.</li> <li>` Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.</li> <li>` Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.</li> <li>` Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa,</li> </ul>	<p>* 3,4,5 T:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>` Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.</li> </ul>

55	3	Sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,.. để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.		*3, 4,5T: ` Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. ` Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng đồ chơi quen thuộc. 3+4 +5 tuổi: Dự án: Làm ngôi nhà (CĐ3)
56		Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.		
57		Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.		
58		Phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.		
59	4	- Quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: Vì sao cây lại héo? Vì sao lá cây bị úớt? - Có biểu tượng đơn giản về thiên tai, biến đổi	So sánh sự giống nhau và khác nhau của 2-3 đồ dùng, đồ chơi. - Phân loại đồ dùng đồ chơi theo 1-2 dấu hiệu. ` Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân l	3+4 +5 tuổi: + Dự án: làm đèn lồng (CĐ 1)
60		- Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.		
61		Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/ đường/muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.		
62		Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.		
63		Nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.		

64		Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.	- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2 - 3 dấu hiệu. - Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây...
65		Tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: Tại sao có mưa?... - Có biểu tượng rõ nét về thiên tai, biến đổi khí hậu - Giải thích được nguyên nhân của thiên tai biến đổi	- Sự thay đổi trong sinh hoạt của con vật, cây, hoa, quả
66	5	Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển.	
67		Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.	
68		Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: “Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi”	
69	3	Phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật	- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 dấu hiệu nổi bật - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1 dấu hiệu nổi bật
70	4	- Phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.	- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 - 2 dấu hiệu. - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1 - 2 dấu hiệu.
71	5	- Phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.	- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2 - 3 dấu hiệu. - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2 - 3 dấu hiệu

72	3	- Nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	- Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng.	
73	4	- Nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/mặn hơn”	- Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	3+4 +5 tuổi: + Dự án: Pha nước chanh (CĐ 8)
74	5	- Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: “Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi”.	- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống.	3+4 +5 tuổi:+ Dự án: làm bánh trung (CĐ 6)
75	4	- Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.		4 +5 tuổi: - Thực hiện thông qua các nội dung giáo dục khác.
76	5	- Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.		
77	3	- Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình... như: -- Chơi đóng vai (bắt chước các hành động của những người gần gũi như chuẩn bị bữa ăn của mẹ, bác sĩ khám bệnh ... -- Hát các bài hát về cây, con vật.. -- Vẽ, xé, dán		- Thực hiện thông qua các nội dung giáo dục của hoạt động vui chơi, âm nhạc, tạo hình.
78	4	Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình... như: - Thể hiện vai chơi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề gia đình, phòng khám bệnh, xây dựng công viên..., - Hát các bài hát về cây, con vật... - Vẽ, xé, dán, nặn, gấp		
79	5	Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình... như: - Thể hiện vai chơi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề gia đình, trường học, bệnh viện...; mô phỏng vận động/ di chuyển/ dáng điệu các con vật. - Hát các bài hát về cây, co		

**b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán**

80	3	Quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng. - 1 và nhiều.
81		Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.	
82		Trẻ biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	
83	4	Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: bao nhiêu? là số mấy?...	- - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.
84		Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.	
85		Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	
86	5	- Quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? đây là mấy?...	- - Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.
87	5	Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.	
88		So sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.	
89	4	Trẻ có thể sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	- Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5.
90	5	Nhận biết các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.	` Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10.
91	3	Trẻ biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.	` Gộp hai nhóm đối tượng và đếm. ` Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.
92		- Trẻ biết tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.	
93	4	- Trẻ biết gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.	

94		- Trẻ biết tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.		
95	5	- Gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm.		- Gộp/tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.
96		- Tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau.		
97	4	Trẻ biết sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.		- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày ( Số nhà, biển số xe..)
98		- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày.		
99	5	- Trẻ nhận biết được các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.		
100		- Nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày.		
101	3	- Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	- Xếp xen kẽ.	* 3-4 tuổi: Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi * 4-5 tuổi: So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.
102	4	- Nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại.		
103	5	- Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.	- Tạo ra quy tắc sắp xếp.	
104		- Nhận ra quy tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại.	- Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan.	
105		- Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp		
106	3	- So sánh 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ : To hơn /nhỏ hơn ; dài hơn/ngắn hơn; cao hơn / thấp hơn; bằng nhau.	- So sánh 2 đối tượng về kích thước.	
107	4	- Sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo. - Đo dung tích bằng một đơn vị đo.	
108	5	- Sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.	- Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau. - Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. - Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.	
109	3	- Nhận dạng và gọi tên các hình: Tròn, vuông, tam giác, chữ nhật	- Nhận biết, gọi tên các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế. - Sử dụng các hình học để ghép.	

110	4	- Trẻ có thể chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật...)	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật .
111		Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản	
112	5	Gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và trụ, khối vuông và khối chữ nhật.	- Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối đó trong thực tế
113	3	Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian và bản thân.	- Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải - tay trái của bản thân.
114	4	Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau, phía trên - phía dưới, phía phải - phía trái).
115	5	- Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật làm chuẩn.	` Xác định vị trí của đồ vật (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.
116	4	- Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	- Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối.
117	5	Gọi đúng tên các ngày trong tuần, các mùa trong năm.	- Nhận biết hôm nay, hôm qua, ngày mai. - Gọi tên các ngày trong tuần
118	5	Xếp tương ứng	Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan
<b>C, Khám phá xã hội</b>			
119	3	- Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân.
120	4	- Nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân.
121	5	- Nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	` - Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình.
122	3	- Nói được tên của bố, mẹ và các thành viên trong gia đình.	- Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình, địa chỉ gia đình.
123		- Nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem tranh ảnh về gia đình.	
124	4	- Nói họ, tên và công việc của bố, mẹ các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. một số nhu cầu của gia đình, địa chỉ gia đình.



125		- Nói địa chỉ của gia đình (Số nhà, đường phố/thôn, xóm) khi được hỏi trò chuyện.	
126	5	- Nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; quy mô gia đình ( gia đình nhỏ, gia đình lớn). nhu cầu của gia đình, địa chỉ gia đình.
127		- Nói địa chỉ gia đình mình (Số nhà, đường phố/thôn, xóm), số điện thoại (nếu có)... khi được hỏi trò chuyện.	
128	3	- Nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo. - Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường.
129	4	- Nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Địa chỉ của trường, lớp. Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường. - Họ Tên và một vài đặc điểm của vực các hoạt động của trẻ ở trường.
130		- Nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	
131		Nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	
132	5	- Nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Những đặc điểm nổi bật của trường, lớp mầm non; công việc của các cô bác trong trường. - Đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.
133		- Nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	
134		- Nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp, khi được hỏi, trò chuyện.	
135	3	- Kể tên và được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng...khi được hỏi, xem tranh.	- Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến.
136	4	- Kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ ích lợi...của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.
137	5	- Nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. ví dụ: nói "nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới..."	
138	3	- Kể tên một số lễ hội: ngày khai giảng, tết trung	- Cờ tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh, ngày

		thu... qua trò chuyện, tranh ảnh.	lễ hội của địa phương.
139		- Kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương.	<b>Trẻ 4,5 tuổi: + Dự án: làm bánh trung (CD 6)</b>
140	4	- Kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội.	- ` Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước.
141		- Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.	
142	5	- Kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. ví dụ nói: "Ngày quốc khánh (ngày 2/9) cả phố em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên...".	
143		- Kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước	
<b>3. Giáo dục phát triển ngôn ngữ.</b>			
<b>1. Nghe hiểu lời nói.</b>			
144	3	- Trẻ biết thực hiện được yêu cầu đơn giản VD: "Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ"	- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc. - Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản.
145	4	- Trẻ biết thực hiện được 2 - 3 yêu cầu liên tiếp.VD: Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng.	- Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm. - Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu.
146	5	- Trẻ biết thực hiện được yêu cầu trong hoạt động tập thể, ví dụ: "Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái H đứng sang bên trái".	- Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa. - Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu liên tiếp.
147	3	- Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát, gần gũi: Quần áo, đồ chơi hoa , quả...	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng.

148	4	- Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát : Rau, quả, con vật, đồ		* 4 + 5 tuổi: Nghe hiểu nội dung câu đơn, câu mở rộng, câu phức.
149	5	- Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát : Phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập...)		
150	3	- Trẻ biết lắng nghe và trả lời câu hỏi của người đối thoại.		* 3 + 4 +5 tuổi: Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, cao dao, đồng dao tục ngữ, câu đố, hò vè phù hợp với độ tuổi.
151	4	- Trẻ biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.		
152	5	- Trẻ biết lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.		
<b>2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày.</b>				
153	3	- Trẻ biết nói rõ các tiếng.	- Phát âm các tiếng của tiếng việt	
154	4	- Trẻ nói rõ để người nghe có thể hiểu được.	- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó.	
155	5	- Trẻ biết kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.	- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu.	
156	3	- Trẻ biết sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	- Trả lời và đặt câu hỏi: "ai", "cái gì", "ở đâu", "khi nào"	
157	4	- Trẻ biết sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	- Trả lời và đặt câu hỏi: "ai", "cái gì", "ở đâu", "khi nào", "để làm gì?"	
158	5	- Trẻ biết sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm... phù hợp với ngữ cảnh.	- Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: "tại sao?" có gì giống nhau, có gì khác nhau", "do đâu mà có" - Đặt các câu hỏi: "tại sao", "như thế nào?", "làm bằng gì"	
159	3	- Trẻ biết sử dụng được các câu đơn giản: Câu đơn, câu ghép.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng	

160	4	- Trẻ biết sử dụng các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép.	
161	5	- Trẻ biết dùng câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh...	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau	
162	3	- Trẻ biết kể lại được sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: Thăm ông bà, đi chơi, xem phim...	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép - Kể lại sự việc.	
163	4	- Trẻ biết kể lại được sự việc theo trình tự.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép- Kể lại sự việc có nhiều tình tiết	
164	5	- Trẻ biết miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái... của nhân vật.	- Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng. - Kể lại sự việc theo trình tự.	
165	3	- Trẻ biết đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...		* 3 + 4 + 5 tuổi: Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.
166	4	- Trẻ biết đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...		
167	5	- Trẻ biết đọc biểu cảm thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...		
168	3	- Trẻ biết kể lại chuyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	- Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe. - Mô tả sự vật tranh ảnh có sự giúp đỡ.	
169	4	- Trẻ biết kể lại truyện có mở đầu, kết thúc.	- Kể lại một truyện đã được nghe - Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh.	
170	5	- Trẻ biết kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện.	- Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự. - Kể truyện theo đồ vật, theo tranh.	
171	3	- Trẻ biết bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.	- Đóng vai theo lời dẫn truyện của giáo viên.	
172	4	- Trẻ biết bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.		* 4 + 5 tuổi: Đóng kịch
173	5	- Trẻ đóng được vai của nhân vật trong truyện		

174	3	- Trẻ biết sử dụng các từ ' Vâng ạ " " Dạ"; " Thưa"... trong giao tiếp "	- Sử dụng các từ ' Vâng ạ " " Dạ"; " Thưa"... trong giao tiếp	
175	4	- Trẻ biết sử dụng các từ như: " Mời cô"; " Mời bạn"; " Cảm ơn"; " xin lỗi"...trong giao tiếp.	Sử dụng các từ như: "Mời cô"; "Mời bạn" "Cảm ơn"; "xin lỗi"...trong giao tiếp.	
176	5	- Trẻ biết sử dụng các từ: " Cảm ơn"; " xin lỗi"; " xin phép"; " Thưa"; " dạ"; " vâng" .... Phù hợp với tình huống.	- Sử dụng các từ: " Cảm ơn"; " xin lỗi"; " xin phép"; " Thưa"; " dạ"; " vâng" .... Phù hợp với tình huống.	
177	3	- Trẻ biết nói đủ nghe, không lí nhí.		* 3 + 4 + 5 tuổi: Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp
178	4	- Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.		
179	5	- Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh		
<b>3. Làm quen với cách đọc - viết</b>				
180	3	- Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giữ sách xem tranh.	- Giữ gìn sách	* 3 + 4 +5: Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. * 3-4-5 tuổi: Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. * 4-5 tuổi: Giữ gìn bảo vệ sách.
181	4	- Trẻ biết chọn sách để xem.	- Phân biệt mở đầu, kết thúc của sách	
182	5	- Trẻ biết chọn sách để "đọc" và xem.		
183	3	- Trẻ biết nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.	- Tiếp xúc với chữ, sách truyện	
184	4	- Trẻ biết mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	- "Đọc" truyện qua các tranh vẽ	
185	5	- Trẻ biết kể chuyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.		
186	3	- Trẻ thích vẽ, "viết" nguệch ngoạc.	- Cầm sách đúng chiều, mở sách xem tranh và đọc	
187	4	- Trẻ biết cầm sách đúng chiều và giữ từng trang để xem tranh ảnh. "Đọc" sách theo tranh minh họa ("đọc vẹt)		
		- Trẻ biết nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: Nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm.... - Sử dụng kí hiệu để "viết" : Tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng...	- Tập tô đồ các nét chữ. - Nhận dạng 1 số chữ cái	

188	5	- Trẻ biết cách "đọc sách" từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.	
		- Trẻ nhận ra kí hiệu hông thường : Nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra - vào, cấm lửa, biển báo giao thông	
		- Trẻ biết nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái TV	- Nhận dạng các chữ cái
		- Trẻ biết tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên mình	Sao chép một số kí hiệu, chữ cái tên của mình.

#### 4. Giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội

##### 1. Thể hiện ý thức về bản thân.

189	3	- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	- Tên, tuổi, giới tính
190	4	- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ	- Tên, tuổi, giới tính
191	5	- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ địa chỉ, nhà, điện thoại .	- Sở thích, khả năng của bản thân
192	3	- Trẻ nói được điều bé thích, không thích	- Những điều bé thích, không thích
193	4	- Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được	- Sở thích, khả năng của bản thân
194	5	- Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé không làm được - Trẻ nói được mình có điểm gì khác và giống bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng) - Trẻ biết mình là con / cháu / anh / chị / em trong gia đình - Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.	- Sở thích, khả năng của bản thân  - Điểm giống và khác nhau của mình và người khác.  - Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học.  - Thực hiện công việc được giao (Trực nhật, xếp dọn đồ chơi...)

## **2. Thể hiện sự tự tin, tự lực.**

195	3	- Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	- Mạnh dạn tham gia và các hoạt động .
196	4	- Trẻ biết tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích	- Thực hiện thông qua các nội dung giáo dục các hoạt động giáo dục vui chơi trong ngày.
197	5	- Trẻ biết tự làm một số việc đơn giản hàng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...)	- Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến.
198	3	- Trẻ biết cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi,...)	- Chủ động và độc lập trong một số hoạt động.
199	4	- Trẻ cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi).	- Thực hiện công việc được giao( Trực nhật, xếp dọn đồ chơi...)
200	5	- Trẻ cố gắng hoàn thành công việc được giao	- Thực hiện tốt công việc được giao( Trực nhật, xếp dọn đồ chơi đúng nơi quy định.

## **3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật hiện tượng xung quanh**

201	3	- Trẻ biết nhận ra cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc( vui, buồn, sợ hãi, tức giận...) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói.
202	4	- Trẻ biết nhận ra cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc( vui, buồn, sợ hãi, ngạc nhiên) qua nét mặt cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh,
203	5	- Trẻ biết được một số cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh,, qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc( vui, buồn, sợ hãi, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt cử chỉ, giọng nói tranh ảnh, âm nhạc.
204	3	- Trẻ biết nhận ra hình ảnh Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ - Nhận ra hình ảnh Bác Hồ - Bác Hồ rất yêu các cháu thiếu nhi

205	4	- Trẻ biết nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ	- Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ. Trẻ biết Bác Hồ rất yêu các cháu thiếu nhi	* 4 +5 tuổi: Kính yêu Bác Hồ
206	5	- Trẻ biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.	- Quan tâm, chia sẻ giúp đỡ bạn.	
207	3	- Trẻ thích nghe kể chuyện, nghe hát đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói trò chơi vận động - Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	
			- Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ	
208	4	- Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ. - Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát, vận động, vẽ, nặn, xếp hình.	* 4+5 tuổi: Quan tâm đến di tích Lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước
209	5	- Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...)	- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái, cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nha.	
		- Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ. - Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước.	- Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác - Một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của địa phương, quê hương, đất nước.	

#### **4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội**

210	3	- Trẻ biết thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi xếp cất đồ chơi không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.	- Một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng đồ chơi đúng chỗ) - Yêu mến bố, mẹ, anh chị e ruột	- Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình.
211	4	- Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình : Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.		* 4 + 5 tuổi: Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công



212	5	- Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.		cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ trật tự khi ăn, khi ngủ, đi bên phải lề đường.
213	3	- Trẻ biết chào hỏi và nói lời cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở...	- Cử chỉ, lời nói lễ phép, chào hỏi, cảm ơn.	
214	4	- Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép.	
215	5	- Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép, lịch sự.	
216	3	- Trẻ biết chú ý khi nghe cô, bạn nói		- Chú ý lắng nghe người khác nói.
217	4	- Trẻ biết chú ý khi nghe cô, bạn nói		
218	5	- Trẻ biết chú ý khi nghe cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.	- Chú ý khi nghe cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.	
219	3	- Trẻ biết cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	- Chờ đến lượt - Chơi hòa thuận với bạn. - Phân biệt hành vi, đúng sai, tốt xấu...	
220	4	- Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở - Trẻ biết trao đổi, thảo luận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật...)	- Chờ đến lượt, hợp tác - Quan tâm giúp đỡ bạn. - Phân biệt, hành vi, đúng sai, tốt xấu.	
221	5	- Trẻ biết chờ đến lượt. - Trẻ biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn. - Trẻ biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn)	- Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận. - Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép, lịch sự.  - Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi, đúng sai, tốt xấu.	
<b>5. Quan tâm đến môi trường</b>				
222	3	- Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.		* 3+4+5 tuổi: Bảo vệ, chăm sóc con vật, cây cối.
223	4	- Trẻ thích chăm sóc cây, con vật quen thuộc.		

224	5	- Trẻ thích chăm sóc cây, con vật quen thuộc.		- Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối.
225	3	- Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định		* 3+ 4+ 5 tuổi: Giữ gìn vệ sinh môi trường. - Tiết kiệm nước
226	4	- Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định - Không bẻ cành, bứt hoa. - Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.		
227	5	- Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định - Trẻ biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...) - Tiết kiệm trong sinh hoạt : Tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng, ....		

## 5. Giáo dục phát triển thẩm mỹ.

### 1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật.

228	3	- Trẻ biết vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm, ngắm vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	
229		- Trẻ biết chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc: Thích nghe, đọc thơ đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe kể chuyện.		
230		- Vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật ( về màu sắc, hình dạng...) của các tác phẩm tạo hình.		
231	4	- Trẻ biết vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của sự vật, hiện tượng.	- Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật	
232		- Chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư)		

233		- Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ sờ và sử dụng các từ gọi theo bài hát, bản nhạc: Thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện	
234	4	- Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ sờ và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	
235	5	- Tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	- Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gọi cảm các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật.
236		- Trẻ biết chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc: Thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện. nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	
237		- Trẻ thích thú, ngắm nhìn, và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.	

## 2. Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình.

238	3	- Trẻ biết hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.	- Hát đúng giai điệu lời ca bài hát. - Nghe các bài hát, bản nhạc (Nhạc thiếu nhi, dân ca)
239	4	- Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu	- Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (Nhạc thiếu nhi dân ca) - Hát đúng giai điệu, lời ca và
240	5	- Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...	- Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau, nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển) - Thể hiện sắc thái, tình cảm - Nghe và nhận ra sắc thái (Vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc.

241	3	- Trẻ biết vận động theo nhịp bài hát, bản nhạc: (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa.)	- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của bài hát, bản nhạc - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp	
242	4	- Trẻ biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát bản nhạc với hình thức: (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa )	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu	
243	5	- Trẻ biết vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay các loại tiết tấu, múa)	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu	
244	3	- Trẻ biết sử dụng nguyên liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sp	3+4+5: Đặt tên cho sản phẩm của mình
245		- Trẻ biết vẽ các nét thẳng, xiên, ngang tạo thành bức tranh đơn giản	- Sử dụng một số kỹ năng vẽ các nét thẳng, xiên, ngang tạo thành bức tranh đơn giản	
246		- Trẻ biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.	- Sử dụng một số kỹ năng xé, dán để tạo ra sản phẩm đơn giản	
247	3	- Trẻ biết lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.	- Sử dụng một số kỹ năng lăn dọc, ấn dẹt, xoay tròn,...tạo ra sản phẩm đơn giản	
248		- Trẻ biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	- Phối hợp kỹ năng xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo ra các sp tạo hình đơn giản	
249		- Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình.	
250	4	- Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm	
251		- Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.	- Sử dụng các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét	

252		- Trẻ biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong ...và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.	- Sử dụng các kỹ năng xé, cắt theo đường thẳng, đường cong ..
253		- Trẻ biết làm lõm, dõ bẹp, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.	- Sử dụng các kỹ năng làm lõm, dõ bẹp, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.
254		- Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.	- Sử dụng các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau
255		- Trẻ biết nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/đường nét
256	5	- Trẻ biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.	- Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm
257		- Trẻ biết phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	- Phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo ra các sản phẩm có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.
		- Trẻ biết phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	- Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng đường nét và bố cục
259		- Trẻ biết phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm cân đối.	- Phối hợp các kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng đường nét và bố cục cân đối
260		- Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối	- Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối
261		- Trẻ biết nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.	- NX sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng đường nét và bố cục

### 3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)

262	3	- Trẻ biết vận động theo ý thích các bài hát bản nhạc quen thuộc	- Vận động theo ý thích khi hát/ nghe các bài hát bản nhạc quen thuộc
263	4	- Trẻ biết lựa chọn và thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.	- Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc
264	5	- Trẻ biết tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.  - Trẻ biết gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn	- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm sản phẩm tạo, đặt tên cho động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích hình của mình.  - Đặt lời theo giai điệu một bài hát bản nhạc quen hoặc thuộc ( một câu ,một đoạn)
265	3	- Trẻ biết tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích
266		- Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích và đặt tên cho sản phẩm tạo hình
267	4	- Trẻ biết lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	- Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu
268		- Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích - Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích lên ý tưởng tạo hình của mình.
269	5	- Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích

## **D. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, HÌNH THỨC TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC**

### **I. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC**

#### **1. Hoạt động chơi**

Hoạt động chơi là hoạt động chủ đạo của trẻ em lứa tuổi mẫu giáo. Trẻ có thể chơi với các loại trò chơi cơ bản sau:

Trò chơi đóng vai theo chủ đề

Trò chơi ghép hình, lắp ráp, xây dựng

- Trò chơi đóng kịch

- Trò chơi học tập

- Trò chơi vận động

- Trò chơi dân gian

- Trò chơi với phương tiện công nghệ hiện đại

#### **2. Hoạt động học**

Hoạt động học được tổ chức có chủ định theo kế hoạch dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên. Hoạt động học ở mẫu giáo được tổ chức chủ yếu dưới hình thức chơi

#### **3. Hoạt động lao động**

Hoạt động lao động đối với lứa tuổi mẫu giáo không nhằm tạo ra sản phẩm vật chất mà được sử dụng như một phương tiện giáo dục. Hoạt động lao động với trẻ em mẫu giáo bao gồm: Lao động tự phục vụ, lao động trực nhật, lao động tập thể

#### **4. Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân**

Đây là các hoạt động nhằm hình thành 1 số nề nếp thói quen trong sinh hoạt, đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ tạo cho trẻ trạng thái thoải mái vui vẻ

## **II. HÌNH THỨC TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC**

### **1. Theo mục đích và nội dung giáo dục**

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ
- Tổ chức lễ, hội: Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục

và mang lại niềm vui cho trẻ (tết Trung Thu, Ngày hội đến trường, Tết cổ truyền.....)

### **2. Theo vị trí không gian**

- Tổ chức hoạt động trong phòng lớp
- Tổ chức hoạt động ngoài trời

### **3. Theo số lượng trẻ**

- Tổ chức hoạt động cá nhân
- Tổ chức hoạt động theo nhóm
- Tổ chức hoạt động cả lớp

## **III. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC**

### **3.1. Nhóm phương pháp thực hành, trải nghiệm**

- Phương pháp thực hành thao tác với đồ vật, đồ chơi: Trẻ sử dụng và phối hợp các giác quan, làm theo sự chỉ dẫn của giáo viên, hành động đối với các đồ vật, đồ chơi (cầm, nắm, sờ, đóng mở, xếp chồng, xếp cạnh nhau, xâu vào nhau,...) để phát triển giác quan và rèn luyện thao tác tư duy.

- Phương pháp dùng trò chơi: sử dụng các loại trò chơi với các yếu tố chơi phù hợp để kích thích trẻ tự nguyện, hứng thú hoạt động tích cực giải quyết nhiệm vụ nhận thức, nhiệm vụ giáo dục đặt ra.

- Phương pháp nêu tình huống có vấn đề: Đưa ra các tình huống cụ thể nhằm kích thích trẻ tìm tòi, suy nghĩ dựa trên



vốn kinh nghiệm để giải quyết vấn đề đặt ra.

- Phương pháp luyện tập: Trẻ thực hành lặp đi lặp lại các động tác, lời nói, cử chỉ, điệu bộ theo yêu cầu của giáo viên nhằm củng cố kiến thức và kỹ năng đã được thu nhận.

### **3.2. Nhóm phương pháp trực quan - minh họa (*quan sát, làm mẫu, minh họa*)**

Phương pháp này cho trẻ quan sát, tiếp xúc, giao tiếp với các đối tượng, phương tiện (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh); hành động mẫu; hình ảnh tự nhiên, mô hình, sơ đồ và phương tiện nghe nhìn (phim vô tuyến, đài, máy ghi âm, điện thoại, vi tính) thông qua sử dụng các giác quan kết hợp với lời nói nhằm tăng cường vốn hiểu biết, phát triển tư duy và ngôn ngữ của trẻ.

### **3.3. Nhóm phương pháp dùng lời nói**

Sử dụng các phương tiện ngôn ngữ (đàm thoại, trò chuyện, kể chuyện, giải thích) nhằm truyền đạt và giúp trẻ thu nhận thông tin, kích thích trẻ suy nghĩ, chia sẻ ý tưởng, bộc lộ những cảm xúc, gợi nhớ những hình ảnh và sự kiện bằng lời nói. Lời nói, câu hỏi của giáo viên cần ngắn gọn, cụ thể, gần với kinh nghiệm sống của trẻ.

### **3.4. Nhóm phương pháp giáo dục bằng tình cảm và khích lệ**

Phương pháp dùng cử chỉ điệu bộ kết hợp với lời nói thích hợp để khuyến khích và ủng hộ trẻ hoạt động nhằm khơi gợi niềm vui, tạo niềm tin, cổ vũ sự cố gắng của trẻ trong quá trình hoạt động.

### **3.5. Nhóm phương pháp nêu gương - đánh giá**

- Nêu gương: Sử dụng các hình thức khen, chê phù hợp, đúng lúc, đúng chỗ. Biểu dương trẻ là chính, nhưng không lạm dụng.

- Đánh giá: Thể hiện thái độ đồng tình hoặc chưa đồng tình của người lớn, của bạn bè trước việc làm, hành vi, cử chỉ của trẻ. Từ đó đưa ra nhận xét, tự nhận xét trong từng tình huống hoặc hoàn cảnh cụ thể. Không sử dụng các hình phạt làm ảnh hưởng đến sự phát triển tâm - sinh lý của trẻ

## **IV. TỔ CHỨC MÔI TRƯỜNG CHO TRẺ HOẠT ĐỘNG**

### **1. Môi trường vật chất**

#### **a, Môi trường cho trẻ hoạt động trong phòng lớp**

- Trang trí phòng lớp đảm bảo thẩm mỹ, thân thiện phù hợp với nội dung chủ đề giáo dục
- Có các đồ dùng đồ chơi, nguyên vật liệu đa dạng phong phú hấp dẫn trẻ
- Sắp xếp và bố trí đồ dùng đồ chơi hợp lý đảm bảo an toàn đáp ứng mục đích giáo dục
- Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo yêu cầu quy định
- Các khu vực hoạt động của trẻ gồm có: Khu vực chơi đóng vai, tạo hình thư viện ( Sách tranh truyện ) Khu vực ghép hình, lắp ráp, xây dựng. Khu vực dành cho khám phá thiên nhiên và khoa học ; Hoạt động âm nhạc và khu vực yên tĩnh cho trẻ nghỉ ngơi, Khu vực cần yên tĩnh bố trí xa các khu vực ồn ào. Tên các khu vực hoạt động đơn giản, phù hợp với chủ đề và tạo môi trường làm quen với chữ viết.

#### **b, Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời gồm có**

- Sân và sắp xếp tiết bị chơi ngoài trời
- Khu chơi với cát đất sỏi nước
- Bồn hoa cây cảnh, nơi trồng cây và khu vực nuôi các con vật

### **2. Môi trường xã hội**

- Môi trường chăm sóc giáo dục trong trường mầm non cần phải đảm bảo an toàn về mặt tâm lý, tạo thuận lợi giáo dục các kỹ năng xã hội cho trẻ
- Trẻ thường xuyên được giao tiếp, thể hiện mối quan hệ thân thiện giữa trẻ với trẻ và giữa trẻ với người xung quanh
- Hành vi cử chỉ lời nói thái độ của giáo viên với trẻ và người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo

## **ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ**

### **1. Đánh giá trẻ hằng ngày**

- a, Mục đích đánh giá: Nhằm kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc giáo dục trẻ hằng ngày

b, Nội dung đánh giá

- Tình trạng sức khỏe
- Trạng thái cảm xúc, thái độ hành vi của trẻ
- Kiến thức kỹ năng của trẻ

c, Phương pháp đánh giá

- Sử dụng 1 hay nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

Quan sát, Trò chuyện giao tiếp với trẻ

Sử dụng tình huống, Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ

Trao đổi với cha mẹ/ người chăm sóc trẻ

Hàng ngày giáo viên theo dõi và ghi chép lại những thay đổi rõ rệt của trẻ và những điều cần lưu ý để kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc giáo dục cho phù hợp

## **2. Đánh giá trẻ theo giai đoạn**

a, Mục đích đánh giá

Xác định được mức độ đạt được của trẻ ở các lĩnh vực phát triển theo giai đoạn( Cuối chủ đề / tháng, cuối độ tuổi) trên cơ sở đó điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho giai đoạn tiếp theo

b. Nội dung đánh giá

Đánh giá về mức độ phát triển của trẻ về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm và kỹ năng xã hội, thẩm mỹ

c. Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ

Quan sát, trò chuyện với trẻ , sử dụng tình huống hoặc bài tập / trên trực nghiệm

Trao đổi với cha mẹ / người chăm sóc trẻ

Kết quả đánh giá được giáo viên lưu giữ trong hồ sơ cá nhân trẻ

d. Thời điểm và căn cứ đánh giá

Đánh giá cuối giai đoạn dựa vào mục tiêu giáo dục chủ đề / tháng – kết quả mong đợi cuối độ tuổi

Đánh giá mức độ phát triển thể chất cần sử dụng thêm chỉ số về cân nặng, chiều cao cuối độ tuổi

#### **D. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN**

Căn cứ Chương trình GDMN do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và Chương trình giáo dục của nhà trường, giáo viên các lớp xây dựng kế hoạch giáo dục trẻ (năm, tháng/chủ đề, tuần, ngày) phù hợp với tình hình của nhóm/lớp và khả năng của cá nhân trẻ trong lớp.

Nội dung của các lĩnh vực giáo dục chủ yếu được tổ chức thực hiện theo hướng tích hợp và tích hợp theo các chủ đề gần gũi thông qua các hoạt động đa dạng, thích hợp với trẻ và điều kiện thực tế của địa phương.

Theo dõi, đánh giá thường xuyên sự phát triển của trẻ và xem xét các mục tiêu của chương trình, kết quả mong đợi để có kế hoạch tổ chức hướng dẫn hoạt động phù hợp với sự phát triển của cá nhân trẻ và của nhóm/lớp.

Phát hiện và tạo điều kiện phát triển năng khiếu của trẻ; phát hiện sớm trẻ có khó khăn trong phát triển, can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật.

Phối hợp chặt chẽ giữa cơ sở giáo dục mầm non với gia đình và cộng đồng để chăm sóc giáo dục trẻ tốt nhất

Nhận được kế hoạch này yêu cầu tổ khối, giáo viên nghiêm túc triển khai thực hiện./.

#### **Nơi nhận:**

- Phòng GD&ĐT;
- Cán bộ quản lý, giáo viên;
- Lưu HSCM;
- Công khai tại Westside trường.

**HIỆU TRƯỞNG**

(Ký duyệt)



Hoàng Thị Thúy Hằng

Na Sang, ngày 28 tháng 08 năm 2024

**NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH**

Hoàng Thị Bích Lập

